TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH B DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH B DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2023/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2023/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1988; thường trú: xóm 6, xã D, huyện D, tỉnh N; tạm trú: số 90 đường ĐT 743C, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1990; thường trú: xóm 6, xã D, huyện D, tỉnh N; địa chỉ nơi làm việc: công ty E, đường số 12, khu công nghiệp S, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu, chị Nguyễn Thị B và anh Bùi Văn Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh N. Việc kết hôn của chị B và anh Đ là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ thường xuyên đánh bạc dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay. Nay chị B xác định không còn tình cảm với anh Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: quá trình chung sống anh, chị có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Phương A, sinh ngày 27/8/2022. Hiện con chung đang sinh sống cùng với chị B. Chị B yêu cầu sau ly hôn con chung sẽ do chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn Đ: sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu anh Đ có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị B nhưng anh Đ không có ý kiến, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh Đ tham gia hòa giải vào ngày 04/5/2023 nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do, đồng thời chị B có yêu cầu từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh Đ tham gia phiên tòa vào ngày 05/6/2023 và ngày 26/6/2023 nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị B được xem xét trên cơ sở chứng cứ do chị B cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 05/6/2023 và ngày 26/6/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Văn Đ đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Bùi Văn Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh N vào ngày 13/6/2018 theo

giấy chứng nhận kết hôn số 19/2018 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị B xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là do anh Đ thường xuyên đánh bạc dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay. Nay chị B xác định không còn tình cảm với anh Đ nên yêu cầu ly hôn. Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập anh Đ đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị B và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng anh Đ không đến. Điều này chứng tỏ bản thân anh Đ cũng không muốn vợ chồng có cơ hội để đoàn tụ với nhau, còn chị B xác định không còn tình cảm với anh Đ. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị B yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Phương A, sinh ngày 27/8/2022. Con chung đang sống cùng với chị B. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên, hiện con chung đang sống cùng với chị B, trong suốt quá trình tố tụng anh Đ không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không nhưng trong khoảng thời gian hai vợ chồng không sống chung với nhau thì con chung do chị B trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa cháu Phương Anh là con gái và dưới 36 tháng tuổi, cần tiếp tục giao cháu Phương Anh cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, chị B yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: chị Nguyễn Thị B tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Nguyễn Thị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B về việc ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Bùi Văn Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Bùi Văn Đ (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 19/2018 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh N vào ngày 13/6/2018).

- Về con chung: anh Bùi Văn Đ có trách nhiệm giao con chung là cháu Bùi Nguyễn Phương A, sinh ngày 27/8/2022 cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị B không yêu cầu anh Bùi Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Bùi Văn Đ có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con. Chị Nguyễn Thị B không có quyền cản trở anh Bùi Văn Đ thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Nguyễn Thị B không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006026 ngày 12/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hiền